ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 147 /2026/QĐ-UBND	*Tây Ninh, ngày 30 tháng 9 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Quy định giá cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công trên địa bàn tỉnh Tây Ninh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15;

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 140/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 54/2026/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2026 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định giá cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định giá cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các đối tượng được thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công theo quy định tại Điều 62 Nghị định số 95/2024/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở;

b) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan đến công tác quản lý, sử dụng, vận hành nhà ở cũ thuộc tài sản công trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 2. Giá cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công

1. Giá cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công được thực hiện theo Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

2. Việc miễn, giảm tiền thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công được thực hiện theo quy định tại Điều 67 Nghị định số 95/2024/NĐ-CP và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp

Đối với các hợp đồng thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công còn thời hạn, giá thuê được xác định theo Quyết định số 59/2014/QĐ-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An hoặc Quyết định số 47/2025/QĐ-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh thì tiếp tục thực hiện hợp đồng đến khi được điều chỉnh theo Quyết định này.

Đơn vị quản lý và ký hợp đồng thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công có trách nhiệm thực hiện điều chỉnh giá thuê trong hợp đồng kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 12 tháng 10 năm 2026.

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 59/2014/QĐ-UBND ngày 16 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Long An về việc quy định bảng giá cho thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước chưa được cải tạo, xây dựng lại trên địa bàn tỉnh Long An và bãi bỏ Điều 4, Điều 5 Quyết định số 47/2025/QĐ-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh quy định khoảng cách từ nơi ở của người thuê nhà ở công vụ đến nơi công tác, khung giá thuê nhà ở công vụ và giá cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Xây dựng tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

2. Kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành, trường hợp Nhà nước điều chỉnh tiền lương thì giá thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công được điều chỉnh tương ứng với tỷ lệ điều chỉnh của tiền lương theo quy định. Đơn vị quản lý và ký hợp đồng thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công thực hiện điều chỉnh giá cho thuê trong hợp đồng theo quy định.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Xây dựng và Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ

trưởng các cơ quan, đơn vị và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Xây dựng;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Tổ chức thi hành pháp luật - Bộ Tư pháp;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- CT, PCT.UBND tỉnh;
- CVP, PCVP.UBND tỉnh;
- Như khoản 3 Điều 5;
- Trung tâm Công báo - Tin học tỉnh;
- Phòng KTTC;
- Lưu: VT. Quoc.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

(Đã ký)

Huỳnh Văn Sơn

PHỤ LỤC

GIÁ CHO THUÊ NHÀ Ở CŨ THUỘC TÀI SẢN CÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TÂY NINH

(Ban hành kèm theo Quyết định số 147 /2026/QĐ-UBND ngày 30 / 9 /2026)

1. Giá cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công được bố trí sử dụng trước ngày 05 tháng 7 năm 1994 chưa được cải tạo, xây dựng lại trên địa bàn tỉnh Tây Ninh:

Số thứ tự	Loại nhà/số tầng	**Giá cho thuê** (đồng/m^2/tháng)								
		Vị trí trung tâm			**Vị trí cận trung tâm**			**Vị trí ven nội**		
		Hạ tầng kỹ thuật tốt	***Hạ tầng kỹ thuật trung bình***	***Hạ tầng kỹ thuật kém***	***Hạ tầng kỹ thuật tốt***	***Hạ tầng kỹ thuật trung bình***	***Hạ tầng kỹ thuật kém***	***Hạ tầng kỹ thuật tốt***	***Hạ tầng kỹ thuật trung bình***	***Hạ tầng kỹ thuật kém***
I	**Đô thị loại II**									
1	**Nhà cấp IV**									
1.1	Nhà trệt (nhà ở 01 tầng)	21.100	19.200	17.300	19.200	17.300	15.400	17.300	15.400	13.400
1.2	Nhà ở 02 tầng									
1.2.1	Tầng I	21.100	19.200	17.300	19.200	17.300	15.400	17.300	15.400	13.400
1.2.2	Tầng II	19.200	17.300	15.400	17.300	15.400	13.400	15.400	13.400	11.500
2	**Nhà cấp III**									
2.1	Nhà trệt (nhà ở 01 tầng)	31.400	28.600	25.700	28.600	25.700	22.900	25.700	22.900	20.000
2.2	Nhà ở 03 tầng									

Số thứ tự	Loại nhà/số tầng	Giá cho thuê (đồng/m^2/tháng)								
		Vị trí trung tâm			Vị trí cận trung tâm			Vị trí ven nội		
		Hạ tầng kỹ thuật tốt	*Hạ tầng kỹ thuật trung bình*	*Hạ tầng kỹ thuật kém*	*Hạ tầng kỹ thuật tốt*	*Hạ tầng kỹ thuật trung bình*	*Hạ tầng kỹ thuật kém*	*Hạ tầng kỹ thuật tốt*	*Hạ tầng kỹ thuật trung bình*	*Hạ tầng kỹ thuật kém*
2.2.1	Tầng I	31.400	28.600	25.700	28.600	25.700	22.900	25.700	22.900	20.000
2.2.2	Tầng II	28.600	25.700	22.900	25.700	22.900	20.000	22.900	20.000	17.100
2.2.3	Tầng III	27.200	24.300	21.400	24.300	21.400	18.600	21.400	18.600	15.700
II	**Đô thị loại III**									
1	**Nhà cấp IV**									
1.1	Nhà trệt (nhà ở 01 tầng)	20.200	18.200	16.300	18.200	16.300	14.400	16.300	14.400	12.500
1.2	Nhà ở 02 tầng									
1.2.1	Tầng I	20.200	18.200	16.300	18.200	16.300	14.400	16.300	14.400	12.500
1.2.2	Tầng II	18.200	16.300	14.400	16.300	14.400	12.500	14.400	12.500	10.600
2	**Nhà cấp III**									
2.1	Nhà trệt (nhà ở 01 tầng)	30.000	27.200	24.300	27.200	24.300	21.400	24.300	21.400	18.600
2.2	Nhà ở 03 tầng									
2.2.1	Tầng I	30.000	27.200	24.300	27.200	24.300	21.400	24.300	21.400	18.600
2.2.2	Tầng II	27.200	24.300	21.400	24.300	21.400	18.600	21.400	18.600	15.700
2.2.3	Tầng III	25.700	22.900	20.000	22.900	20.000	17.100	20.000	17.100	14.300

2. Giá cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công được bố trí sử dụng từ trước ngày 19 tháng 01 năm 2007 mà đã được nhà nước cải tạo, xây dựng lại hoặc nhà ở không có nguồn gốc là nhà ở nhưng được bố trí sử dụng từ ngày 05 tháng 7 năm 1994 đến trước ngày 19 tháng 01 năm 2007

Số thứ tự	**Loại nhà/số tầng**	**Giá cho thuê** (đồng/m^2/tháng)
1	Nhà 1 tầng, căn hộ khép kín, kết cấu tường gạch chịu lực, mái tôn	13.903
2	Nhà 1 tầng, căn hộ khép kín, kết cấu tường gạch chịu lực, mái bê tông cốt thép đổ tại chỗ	14.359
3	Chung cư ≤ 5 (không có tầng hầm)	20.479